

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 95/2020/DS-ST

Ngày: 13 -11- 2020

V/v *Tranh chấp:*

*“Hợp đồng vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Trần Tấn Thanh

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hường

*Thư ký phiên tòa ông Phạm Nhật Minh– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 242/2020/TLST-DS ngày 06-10-2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 117/2020/QĐXX-ST ngày 26-10-2020 giữa các đương sự:

1/*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị V, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: 120, khu phố H, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V là bà Trương Thị Thanh T: 1993.

Địa chỉ: 36, đường H, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V luật sư Dương Thị Kim L1-Văn phòng luật sư Kim L1- Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2/*Bị đơn:* Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số 539, ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3/*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 31/14A, đường Đ, khu phố N, phường H, TP M, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Chị Trương Thị Thanh T đại diện của bà Nguyễn Thị V trình bày:*

- Ngày 20-11-2016 bà N mượn của bà V 5,5 chỉ vàng 24K, không tính lãi suất, thời hạn 02 năm, bà N có làm biên nhận, từ ngày mượn đến nay bà N chưa trả.

Ngày 29-11-2016 bà N mượn của bà V số 20.000.000 đồng, không tính lãi, hai bên thỏa thuận khi nào bà V cần thì báo cho bà N biết thì bà N trả, bà N

làm biên nhận nợ. Sau đó bà N có thanh toán cho bà V được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng.

Nay bà V yêu cầu bà N cho bà V số tiền 10.000.000 đồng không tính lãi và 5,5 chỉ vàng 24K, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:*

Bà có mượn của bà V số tiền 18.000.000 đồng, nhưng hai bên thống nhất qui ra giá vàng lúc đó vàng giá 3.300.000 đồng/chỉ, không nhớ ngày tháng nhưng vào năm 2016, bà có làm biên nhận nợ cho bà V, nhưng bà V đọc cho bà viết, chữ viết của biên nhận do bà viết và ký tên lý do bà V nói không tính lãi.

Năm 2016 tôi có mượn của bà V 20.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ cho bà V, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, khi vay tiền của bà V bà có thể chấp cho bà V một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nguyễn Thị Tuyết L đứng tên, sau đó bà có trả cho bà V 13.000.000 đồng tiền vốn và trả tiền lãi từ năm 2016 đến năm 2019, thì bà ngưng không trả tiền lãi cho bà V do bà bệnh, khi trả tiền lãi cho bà V không có làm biên nhận, Hiện nay bà còn nợ bà V 5,5 chỉ vàng 24k và 7.000.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho bà V 5,5 chỉ vàng 24K và 7.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi tháng 300.000 đồng.

*\* Bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:*

Bà V và bà N vay tiền như thế nào thì bà không biết, nhưng bà N lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà thế chấp cho bà V bà không biết, sau đó bà V nói bà N đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho bà V đang giữ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết nợ giữa bà V với bà N như thế nào bà không biết, nhưng phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà khi án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị V vắng mặt nhưng gửi bài bảo vệ: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án và phân tích chứng cứ do bà V nộp cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Tuyết L, khi án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Tuyết N là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa chị Trương Thị Thanh T đại diện bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N trả cho bà V số tiền 10.000.000 đồng và trả 5,5 chỉ vàng 24K, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Bà V đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết N đồng ý trả cho bà V số tiền 10.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24K, nhưng xin trả mỗi tháng 300.000 đồng, yêu cầu bà V trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L.

[4] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết L được Tòa án triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật, nhưng bà L xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn Nguyễn Thị Tuyết N đều thừa nhận: Ngày 29-11-2016 bà N có mượn của bà V số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-11-2016 và ngày 20-11-2016 mượn 5,5 chỉ vàng 24K (Lúc bà N mượn tiền của bà V là 18.000.000 đồng, nhưng hai bên thống nhất qui ra 5,5 chỉ vàng 24 k, lúc đó giá vàng 3.300.000 đồng /chỉ) theo biên nhận ngày 20-11-2016, tất cả biên nhận do bà N viết và ký tên. Quá trình thực hiện bà N có trả cho bà V tiền vốn 10.000.000 đồng, bà N khai bà có trả tiền lãi cho bà V từ năm 2016 đến năm 2019 thì ngưng do bà bệnh, khi bà trả tiền lãi cho bà V thì không có làm biên nhận, bà V thừa nhận có nhận tiền vốn của bà N trả 10.000.000 đồng, không có nhận tiền lãi. Bà N có trả tiền lãi cho bà V từ năm 2016- 2019 nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bà không cũng không yêu cầu gì tiền lãi bà đã trả cho bà V. Bà N thừa nhận còn nợ bà V 10.000.000 đồng, đồng ý trả. Do đó yêu cầu của bà V yêu cầu bà N trả 10.000.000 đồng có cơ sở phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

[2] Đối với số vàng 5,5 chỉ vàng 24k bà N cũng thừa nhận có mượn bà V số tiền 18.000.000 đồng, nhưng hai bên thống nhất qui ra vàng lúc đó giá vàng 3.300.000 đồng/chỉ. Bà N cũng thừa nhận còn nợ bà V 5,5 chỉ vàng 24k và đồng ý trả. Do đó yêu cầu của bà V có cơ sở phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Tại phiên tòa bà N đồng ý trả cho bà V số tiền 10.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24K, nhưng xin trả mỗi tháng 300.000 đồng, bà V không đồng ý. Xét thấy bà N đã vi phạm thời gian trả nợ và nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V. Do đó bà V yêu cầu bà N trả nợ khi có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa, chị T đại diện cho bà V, bà N cũng thừa nhận khi bà N vay của bà V số tiền 20.000.000 đồng thì bà N có thể chấp cho bà V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN:CH03379 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp cho Nguyễn Thị Tuyết L ngày 28-01-2015 đứng tên. Bà L yêu cầu bà V trả lại cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 03379 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp cho Nguyễn Thị Tuyết L ngày 28-01-2015 đứng tên. Bà V đồng ý trả cho bà L giấy chứng nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V không yêu cầu tính lãi số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy bà V không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Giá vàng ngày 13-11-2020 tại ngày xét xử sơ thẩm là 5.400.000 đồng /chỉ như vậy 5,5 chỉ x 5.400.000 đồng = 29.700.000 đồng

[6] Ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ cho bà Nguyễn Thị V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử buộc bà N trả nợ cho bà V nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.985.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 463; Điều 464; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

#### **Xử**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 10.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24k, khi án có hiệu lực pháp luật .

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị V giao trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết L giấy chứng nhận quyền sử dụng số vào sổ GCN: CH 03379 ngày 28-01-2015 do UBND thành phố Mỹ Tho cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết L đứng tên ( bản chính), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án bà Nguyễn Thị Tuyết N không thi hành thì bà N phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 1.985.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 1.006.250 đồng, bà V đã nộp tạm ứng án phí số 1.006.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0002061 ngày 06-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ. Bà Nguyễn Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Thị Ngọc Hoa**